

**Điều 47.** Tổng cục Bưu điện chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

**Điều 48.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ  
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 56/2001/  
NĐ-CP ngày 24/8/2001 về việc  
thành lập xã Mỹ An thuộc huyện  
Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,*

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập xã Mỹ An thuộc huyện Thạnh Phú trên cơ sở 2.072,09 ha diện tích tự nhiên và 6.279 nhân khẩu của xã An Thạnh; 1.031,56 ha diện tích tự nhiên và 3.400 nhân khẩu của xã Mỹ Hưng.

Xã Mỹ An có 3.103,65 ha diện tích tự nhiên và 9.679 nhân khẩu.

Địa giới hành chính xã Mỹ An: Đông giáp xã An Điền; Tây giáp xã Quới Điền và xã Mỹ Hưng; Nam giáp xã Mỹ Hưng và xã An Thạnh; Bắc giáp huyện Ba Tri.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính thành lập xã Mỹ An, xã An Thạnh còn lại 718,31 ha diện tích tự nhiên và 4.066 nhân khẩu; xã Mỹ Hưng còn lại 1.330,16 ha diện tích tự nhiên và 9.167 nhân khẩu,

**Điều 2.** Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Mọi quy định trước đây trái Nghị định này đều bãi bỏ.

**Điều 3.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ  
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 57/2001/  
NĐ-CP ngày 24/8/2001 về điều  
kiện kinh doanh vận tải biển.**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 30 tháng 6 năm 1990;*

*Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 09 tháng 6 năm 2000;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước ngày 20 tháng 4 năm 1995;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 12 tháng 6 năm 1999;*

*Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 3 năm 1996;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,*

## NGHỊ ĐỊNH:

### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng.

1. Nghị định này áp dụng đối với việc kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách và hành lý bằng đường biển của doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

2. Doanh nghiệp nêu tại Nghị định này bao gồm: doanh nghiệp nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo hình thức liên doanh.

##### Điều 2. Áp dụng pháp luật.

1. Hoạt động kinh doanh vận tải biển tại Việt Nam phải tuân theo quy định của Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan của Việt Nam, các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

2. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác, thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế.

3. Trong trường hợp pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế chưa quy định thì áp dụng tập quán quốc tế theo thỏa thuận của các bên.

##### Điều 3. Giải thích từ ngữ.

Trong Nghị định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "*Kinh doanh vận tải biển*" là việc khai thác tàu biển của doanh nghiệp để vận chuyển hàng hóa, hành khách, hành lý trên các tuyến vận tải biển.

2. "*Chủ tàu Việt Nam*" là chủ sở hữu hoặc người thuê tàu biển mà tàu đó đã được đăng ký trong "Sổ đăng ký tàu biển quốc gia" của Việt Nam.

3. "*Chứng từ vận chuyển*" là vận đơn, giấy gửi hàng hoặc chứng từ vận chuyển hàng hóa tương đương khác đối với vận chuyển hàng hóa; vé hoặc hợp đồng đối với vận chuyển hành khách.

4. "*Tuyến nước ngoài*" là tuyến hàng hải từ cảng biển Việt Nam đến một hoặc một số cảng biển nước ngoài và ngược lại.

##### Điều 4. Giá cước.

Giá cước vận tải biển do các bên thỏa thuận, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

### Chương II

#### ĐIỀU KIỆN KINH DOANH VẬN TẢI BIỂN

##### Điều 5. Điều kiện đối với doanh nghiệp.

Doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Là chủ tàu Việt Nam.

2. Có giao kết hợp đồng lao động bằng văn bản với thuyền viên và bố trí đủ định biên thuyền bộ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

3. Có mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu và bảo hiểm thuyền viên. Đối với vận tải hành khách có thêm bảo hiểm hành khách.



4. Có đăng ký mẫu chứng từ vận chuyển tại Cục Hàng hải Việt Nam, nếu doanh nghiệp có sử dụng một hoặc các loại giấy tờ được gọi là chứng từ vận chuyển theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

5. Trường hợp vận tải tuyến nước ngoài, ngoài những điều kiện nêu tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 của Điều này, doanh nghiệp phải có "Giấy chứng nhận phù hợp" do Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp, theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải trên cơ sở Bộ Luật Quản lý an toàn quốc tế do Tổ chức Hàng hải quốc tế ban hành.

6. Tàu biển phải có đủ các loại giấy tờ sau đây:

a) Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển do Cục Hàng hải Việt Nam cấp;

b) Các giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật và các giấy chứng nhận phòng ngừa ô nhiễm dầu, nước thải do Đăng kiểm Việt Nam cấp hoặc Đăng kiểm nước ngoài cấp theo ủy quyền của Đăng kiểm Việt Nam;

c) Giấy phép sử dụng dài tàu theo quy định;

d) Trường hợp vận tải tuyến nước ngoài, ngoài những điều kiện nêu tại điểm a, điểm b và điểm c của khoản 6 Điều này, tàu biển phải có "Giấy chứng nhận quản lý an toàn" do Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải trên cơ sở Bộ Luật Quản lý an toàn quốc tế do Tổ chức Hàng hải quốc tế ban hành.

7. Sĩ quan, thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam phải có đủ chứng chỉ chuyên môn phù hợp với chức danh theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải:

a) Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn;

b) Giấy chứng nhận huấn luyện cơ bản;

c) Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ;

d) Giấy chứng nhận huấn luyện đặc biệt.

**Điều 6.** Điều kiện khác.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh vận tải biển, ngoài việc tuân theo các điều kiện quy định tại Điều 5 của Nghị định này, khi vận chuyển những loại hàng hóa bắt buộc phải có giấy phép thì doanh nghiệp chỉ được vận chuyển các hàng hóa đó khi có giấy phép.

### Chương III

## KIỂM TRA, THANH TRA, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

**Điều 7.** Kiểm tra, thanh tra hoạt động kinh doanh vận tải biển.

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm tổ chức thanh tra, kiểm tra các hoạt động kinh doanh vận tải biển và xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung kiểm tra, thanh tra bao gồm việc chấp hành quy định của pháp luật về kinh doanh vận tải biển và việc thực hiện các đăng ký đã cam kết với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 8.** Khiếu nại, tố cáo.

Doanh nghiệp có quyền khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện ra tòa án theo quy định của pháp luật về việc cơ quan nhà nước, cá nhân có hành vi vi phạm các quyền của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

**Điều 9.** Xử lý vi phạm.

Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, trong trường

hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

#### Chương IV

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 10.** Hiệu lực thi hành.

1. Nghị định này có hiệu lực sau mười lăm ngày, kể từ ngày ký.

2. Hủy bỏ phần quy định về vận tải viên dương quy định tại điểm d khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 13 Nghị định số 16/CP ngày 21 tháng 2 năm 1997 của Chính phủ về chuyển đổi, đăng ký Hợp tác xã và tổ chức hoạt động của Liên hiệp hợp tác xã.

**Điều 11.** Điều khoản chuyển tiếp.

1. Doanh nghiệp đang kinh doanh vận tải biển có đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định này được tiếp tục hoạt động.

2. Doanh nghiệp đang kinh doanh vận tải biển không có đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định này thì phải bảo đảm đủ điều kiện theo quy định trong vòng 90 ngày, kể từ ngày Nghị định có hiệu lực thi hành.

**Điều 12.** Điều khoản thi hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ  
Thủ tướng

PHAN VĂN KHÁI

## NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 58/2001/ ND-CP ngày 24/8/2001 về quản lý và sử dụng con dấu.

### CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Công an,

### NGHỊ ĐỊNH:

#### Chương I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1.** Con dấu được sử dụng trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, hội quần chúng, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang, cơ quan, tổ chức nước ngoài hoạt động tại Việt Nam (dưới đây gọi tắt là cơ quan, tổ chức) và một số chức danh nhà nước. Con dấu thể hiện vị trí pháp lý và khẳng định giá trị pháp lý đối với các văn bản, giấy tờ của các cơ quan, tổ chức và các chức danh nhà nước. Con dấu được quản lý theo quy định của Nghị định này.

**Điều 2.** Các quy định về quản lý và sử dụng con dấu trong Nghị định này áp dụng đối với con dấu có hình Quốc huy và con dấu không có hình Quốc huy được sử dụng dưới dạng con dấu ướt, con dấu nổi, dấu xi.

Dấu tiêu đề, dấu ngày tháng, dấu tiếp nhận công văn, dấu chữ ký, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

**Điều 3.** Các cơ quan tổ chức và chức danh nhà nước dưới đây được dùng con dấu có hình Quốc huy.